

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN Y
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN Y

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAN Y DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NHAN Y., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109203294

3. Ngày thành lập: 29/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 29 ngách 14, ngõ Góc Đề, Đường Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán, pháp lý)	6619
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản	6820(Chính)
3.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	7020
4.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Kiểm định xây dựng Giám sát thi công xây dựng công trình	7110
5.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
6.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không)	7310
7.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)	7320
8.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

9.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
10.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hội phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; hoạt động môi giới bản quyền, Tư vấn chứng khoán) Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
11.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Nhóm này gồm: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;	7730
12.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
13.	Đại lý du lịch	7911
14.	Điều hành tua du lịch	7912
15.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
16.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Trừ kinh doanh dịch vụ bảo vệ)	8020
17.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
19.	Giáo dục nhà trẻ	8511
20.	Giáo dục mẫu giáo	8512
21.	Giáo dục tiểu học	8521
22.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: giáo dục nghề nghiệp	8531
23.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: giáo dục nghề nghiệp	8532
24.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: giáo dục nghề nghiệp	8533

25.	Đào tạo đại học	8541
26.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
27.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; dạy hội họa; dạy nhảy; dạy kịch; dạy mỹ thuật	8552
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ dạy kèm; dạy máy tính; đào tạo khóa học thương hiệu và marketing; đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý, kỹ năng sống; đào tạo giáo viên dạy ngoại ngữ; đào tạo ngoại ngữ	8559
29.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Nhóm này gồm: - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, - Dịch vụ kiểm tra giáo dục	8560
30.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ Hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
31.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (trừ hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp)	9311
32.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao (trừ hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp) Chi tiết: Câu lạc bộ bóng đá; câu lạc bộ bowling; câu lạc bộ bơi lội; câu lạc bộ điền bốc; câu lạc bộ chơi cờ; câu lạc bộ đường đua.	9312
33.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
34.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
35.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
36.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
37.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
38.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
39.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
40.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

41.	Trồng cây hàng năm khác	0119
42.	Trồng cây ăn quả	0121
43.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
44.	Trồng cây điều	0123
45.	Trồng cây hồ tiêu	0124
46.	Trồng cây cao su	0125
47.	Trồng cây chè	0127
48.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
49.	Trồng cây lâu năm khác	0129
50.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
51.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
52.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
53.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
54.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
55.	Chăn nuôi gia cầm	0146
56.	Chăn nuôi khác Nhóm này gồm: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
57.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
58.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
59.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
60.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
61.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
62.	Khai thác gỗ	0220
63.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
64.	Khai thác thủy sản biển	0311
65.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
66.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
69.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
70.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
71.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
72.	Sản xuất giày, dép	1520
73.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
74.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

75.	In ấn (trừ loại Nhà nước cấm)	1811
76.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
77.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
78.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc	2100
79.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
80.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
81.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
82.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
83.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi Chi tiết: Sản xuất, lắp đặt đồ chơi bằng gỗ, nhựa, cơ khí	3240
84.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
85.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
86.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
87.	Xây dựng nhà để ở	4101
88.	Xây dựng nhà không để ở	4102
89.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
90.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
91.	Xây dựng công trình điện	4221
92.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
93.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
94.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
95.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Nhóm này gồm: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
96.	Phá dỡ	4311
97.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
98.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
99.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

100.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Nhóm này gồm: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
101.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
102.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Nhóm này gồm: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
103.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
104.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530

105.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
106.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm).	4620
107.	Bán buôn thực phẩm	4632
108.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
109.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm) Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
110.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
111.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
112.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
113.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Nhóm này gồm: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
114.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

115.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng) chi tiết: bán buôn sắt, thép	4662
116.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Nhóm này gồm: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
117.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Nhóm này gồm: - Bán buôn hoá chất công nghiệp - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su và các sản phẩm từ cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn que hàn	4669
118.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm. Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Máy cắt cỏ; - Phòng tắm hơi.	4752

119.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
120.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
121.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
122.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
123.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
124.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc)	4772
125.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Nhóm này gồm: - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; - Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính; - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; - Bán lẻ dầu hỏa, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...;	4773
126.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

127.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ vận tải hàng hóa viễn dương)	5012
128.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
129.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
130.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
131.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
132.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Nhóm này gồm: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa;	5229
133.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
134.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
135.	Hoạt động chiếu phim	5914
136.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
137.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5629
138.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar, vũ trường)	5630
139.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình chi tiết: sản xuất chương trình truyền hình (Trừ hoạt động sản xuất phim điện ảnh)	5911
140.	Hoạt động hậu kỳ (Trừ hoạt động sản xuất phim điện ảnh)	5912
141.	Lập trình máy vi tính	6201
142.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
143.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
144.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

Thời gian đăng từ ngày 29/05/2020 đến ngày 28/06/2020

10/13

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TOÀN THẮNG	2 Bis Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	15.000.000.000	30,000	024510199	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	15.000.000.000	30,000		
2	PHẠM THỊ THUYỀN TRANG	Số 11 Đường số 12A, Phường 06, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	15.000.000.000	30,000	023368843	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	15.000.000.000	30,000		

3	ĐÌNH ANH THƯ	Số 8.08 Lô D Chung cư Nhất Lan, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	10.000.000.000	20,000	080191000430	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	10.000.000.000	20,000		
4	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	Số 29 ngách 14, ngõ Góc Đề, Đường Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	10.000.000.000	20,000	011608554	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	10.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ THUỶ TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 023368843

Ngày cấp: 27/05/2011

Nơi cấp: CA TP Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 11 Đường số 12A, Phường 06, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 11 Đường số 12A, Phường 06, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội